

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 215/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2018.

V/v: Tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí. .

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt-Thư ký Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 861/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/7/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ 2, KP.9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*** Bị đơn:** Ông **Ngô Đại T1**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 85/38/54, tổ 2, KP.9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà T có mặt, ông T1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T1 kết hôn với nhau vào năm 2011, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu

chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình không hợp, ông T1 đã nhiều lần say xỉn, đánh đập bà T và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Bà T và ông T1 đã tự ý sống ly thân 02 năm nay. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông T1 để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia N, sinh ngày 20/11/2012. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi cháu N và tạm thời không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông T1 và bà T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T năm 2011, có tổ chức lễ cưới. Trong thời gian chung sống ông T1 thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Ông T1 thừa nhận có bạo hành với bà T và rất hối hận về những hành vi của mình vì bạo hành với người vợ mà ông yêu thương. Bà T đã về nhà mẹ và sống ly thân với ông T1 được 02 năm nay. Ông T1 nhận thấy những hành vi, việc làm của mình là sai trái và không biết lo cho vợ con, gia đình. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông T1 không đồng ý ly hôn vì còn thương bà T rất nhiều và muốn sửa chữa những lỗi lầm mình đã gây ra cho vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia N, sinh ngày 20/11/2012. Nếu tòa giải quyết ly hôn, ông T1 xin được trực tiếp nuôi cháu N và tạm thời không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, về con chung đề nghị HĐXX giao con cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng đến mức mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T1 thừa nhận có đánh đập bà T và không chăm lo cho gia đình, cả hai đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn ông T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia N, sinh ngày 20/11/2012. Trường hợp tòa giải quyết ly hôn, bà T và ông T1 đều xin được trực tiếp nuôi cháu N và tạm thời không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án có yêu cầu các bên nộp chứng cứ chứng minh thu nhập, điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con nhưng chỉ có bà T nộp bảng lương và hợp đồng lao động thể hiện bà T đang làm việc cho một công ty nước ngoài có thu nhập ổn định và làm việc giờ hành chính, còn ông T1 thừa nhận đi làm xa và không nộp chứng cứ gì khác. Trong thời gian ly thân cháu N sống cùng với mẹ. Tránh việc thay đổi môi trường sống tạo điều kiện ổn định cho cháu N phát triển toàn diện và căn cứ vào các chứng cứ mà bà T đã nộp, giao cháu N cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện hiện tại của các bên.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của đại diện VKS phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Ngô Đại T1.

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia N, sinh ngày 20/11/2012. Giao cháu N cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T1 được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết bà T ông T1 có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 006753 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B.

6. Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- UBND phường T, TP. B;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Thanh Bình